

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 28 /2018/HS-ST

Ngày: 21-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thành

2. Bà Trịnh Thị Khanh

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trịnh Minh Chữ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa:** **ông Cao Duy Phúc** - Kiểm sát viên.

Ngày **21 tháng 11 năm 2018** tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/HSST ngày 19/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HS ngày 06/11/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Trương Khánh N**- Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1998 tại: xã Đ, Huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn Giát, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trương Văn Ánh - sinh năm 1972 và bà Hà Thị Phong – sinh năm 1974; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Năm 2016 Trương Khánh N bị TAND huyện B xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/4/2017.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2018 theo lệnh tạm giam số 16/CSĐT ngày 08/9/2018 của Công an huyện Cẩm Thủy về tội Mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa

2. Họ tên: **Hà Văn H** - Sinh ngày 04 tháng 01 năm 1994 tại: xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Xịa, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa : 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hà Văn Vân - sinh năm 1975 và bà Hà Thị Quyết sinh năm 1977; Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo Hà Văn H bị bắt tạm giam từ ngày 06/9/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa

3. Họ tên: **Bùi Văn L** - Sinh ngày 05 tháng 03 năm 1989 tại: xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Kéo, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa : 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Thanh Phong – sinh năm 1959 và bà Cao Thị Sự - sinh năm 1957; Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bùi Văn L đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 27/CSĐT của Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Thủy. Có mặt tại phiên tòa

Người bị hại: anh Bùi Văn H – Sinh năm 1983 trú tại thôn C, xã T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 12/4/2018 Trương Khánh N đến quán Internet của anh Bùi Văn Ng tại thôn M, xã Đ, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa chơi điện tử thì gặp Hà Văn H đang ngồi chơi tại quán, N gọi H đi ra ngoài nói: “Hai anh em đi kiếm con xe cấm lấy tiền chơi”, H hiểu ý N rủ đi trộm cắp tài sản là xe máy nên đồng ý. Do N và H đều không có xe máy nên H vào bên trong quán hỏi mượn xe máy với Bùi Văn Đ với lý do là đi thăm bạn, Đ đồng ý cho H mượn chiếc xe máy nhãn hiệu SYM ANGEL, màu sơn đỏ - bạc, BKS 36G5 – 030.09. Sau khi mượn được xe máy H điều khiển xe chở N ngồi phía sau đi từ xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa theo đường QL 217 đến huyện C, vừa đi trên đường, vừa quan sát xem có người nào sơ hở không để trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực cây xăng xã C, huyện C, Thanh Hóa thì H quay xe lại để đi về hướng huyện B, cả hai đi đến thôn Th, xã C, huyện C thấy anh Bùi Văn H đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu sơn đen – xám, BKS 36G5 – 219.83 đi cùng chiều, N nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh H nên N nói với H: “Chờ nó đi đến đoạn dốc ép xe lại để đánh và nói lý do là tại sao lúc này đánh em tao rồi lấy xe máy”, H đồng ý và điều khiển xe máy đi theo xe của anh H. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi anh Bùi Văn H điều khiển xe đi đến khu vực Dốc Nứa, đường QL 217 thuộc thôn E, xã C, huyện C thấy xa khu dân cư, trên đường không có phương tiện qua lại, N nói với H: “Ép xe nó lại”, đồng thời lấy trong người ra chiếc gậy sắt ba khúc cầm trên tay. Khi H điều khiển xe đi từ phía sau áp sát xe của anh H thì N dùng gậy đập vào phía sau lưng anh H, anh H loạng choạng rồi ngã về phía lề đường bên phải theo chiều đi của mình, N xuống xe tiếp tục dùng gậy để đập vào vùng đầu và vùng lưng anh H rồi hỏi: “Mày ở đâu?”, anh H trả lời: “Em ở Thạch Cẩm”, N nói: “Mày đánh em tao phải không?”, H xuống xe dùng chân đá hai cái vào vùng lưng anh H. Sau đó N dùng tay móc lấy chiếc ví da, sau đó N lấy chiếc xe máy BKS 36G5 – 219.83

của anh H, còn H điều khiển chiếc xe BKS 36G5 – 030.09 đi về phía huyện B. Anh Bùi Văn H sau khi bị chiếm đoạt tài sản đã đến nhà người quen gọi điện thoại cho người nhà đến đón đưa đi Bệnh viện đa khoa huyện C điều trị vết thương, đồng thời làm đơn báo cáo Công an huyện C.

Đối với Trương Khánh N và Hà Văn H sau khi chiếm đoạt được tài sản thì đến nhà Bùi Văn L để gửi xe máy. N nói với L là xe của nhà bác. Sau khi gửi xe N kiểm tra bên trong chiếc ví của anh H thì thấy có số tiền 1.100.000đ, 01 chứng minh thư, 01 thẻ ATM mang tên Bùi Văn H, N rủ L đi chơi điện tử. Sau đó Nam, H và L cùng đi đến quán đến quán Internet Nghị Hạnh, tại đây H trả lại chiếc xe máy BKS 36G5 – 030.09 cho Đ. Chiều ngày 13/4/2018 N đưa cho H số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để mua đồ ăn về tiếp nhóm bạn tại nhà L. Đến khoảng 19 giờ ngày 13/4/2018 sau khi ăn, uống xong. Lúc này N nói với L: “Cho em mượn cái cờ lê”, L hỏi: “Mượn làm gì?”, N nói: “Mượn để tháo biển số”, L hỏi N: “Sao lại phải tháo?”, N nói: “Xe em cướp được ở Dốc Nứa”, L đi tìm lấy cờ lê cho N tháo biển số xe, giá để hàng ở giữa xe và bóc tem của chiếc xe máy BKS 36G5 – 219.83 ra, tiếp đó N ném biển số xe, giá để hàng, tem xe cùng chiếc ví của anh H vào trong gầm giường của L. Khi biết được chiếc xe là do N và H phạm tội mà có nên L không cho N gửi xe nữa, nên N nhờ L tìm chỗ cấm xe. Sau đó L gọi điện thoại cho Lê Quang H ở thôn Tr, xã Đ, huyện B, Thanh Hóa nói: “Lên đây đưa anh đi tí việc”, Huy đồng ý và điều khiển chiếc xe máy BKS 36L7 – 1552 đi đến nhà L. Khi đến nơi Huy gặp Nam, H và L, lúc này L nói với Huy: “Đưa anh lên Cánh Nàng rồi tí đưa anh về”, Huy hỏi L: “Đi lâu không?”, L trả lời: “đi một tí rồi về thôi”, Huy đồng ý. Sau đó H điều khiển xe chở H bằng chiếc xe BKS 36L7 – 1552, còn L chở N bằng chiếc xe BKS 36G5 – 219.83 (Lúc này xe đã bị tháo biển số) từ nhà L đến hiệu cầm đồ M ở Phô 4, thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa, nhưng do tem, nhãn của xe đã bị bóc, xe không có đăng ký nên không cầm cố được xe. Sau khi không cầm cố xe được L và H đi xe máy đến quán chơi điện tử, còn N điều khiển chiếc xe máy chiếm đoạt được của anh H tiếp tục đi tìm nơi cầm cố xe. Đến khoảng 3 giờ ngày 14/4/2018 N gọi H dậy để mang xe xuống Thành phố Thanh Hóa tìm nơi tiêu thụ. Khi đến Thành phố Thanh Hóa thì N đưa H vào quán Internet để chơi, rồi điều khiển xe đi một mình đến nhà một người tên Th bán chiếc xe cho chị Th được số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng), sau đó N quay lại quán đưa cho H số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để H đi về, còn N ở lại tiêu sài hết số tiền bán chiếc xe máy rồi mới về nhà.

Ngày 30/8/2018 Trương Khánh N bị bắt về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Tại cơ quan điều tra N đã tự thú khai nhận về hành vi cướp tài sản xảy ra ngày 13/4/2018

Ngày 05/9/2018 Bùi Văn L đến Công an huyện C để đầu thú về hành vi phạm tội của mình

-Về vật chứng của vụ án :

Cơ quan CSĐT Công an huyện C tạm giữ các đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án gồm:

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu ghi, trên mũ có dòng chữ “BANCUNGLOPVN”, mũ bảo hiểm đã qua sử dụng.

- 01 (một) biển số xe 36G5 – 219.83.

- 01 (một) giá để hàng ở hảng xe có khắc chữ VT (I)

- 01 (một) chiếc ví da màu nâu có in hình con cá sấu trên ví.

Hiện đang lưu kho tại Chi cục Thi hành án dân sự chờ xử lý. Chiếc xe mô tô BKS 36G5 – 219.83 Trương Khánh N khai báo bán cho một người tên Th ở Thành phố Thanh Hóa. Cơ quan CSĐT Công an huyện C tiến hành xác minh, tuy nhiên không xác định được địa chỉ cụ thể của người này. Do đó không có căn cứ để thu hồi chiếc xe; Ngày

Đối với chiếc gậy sắt ba khúc Trương Khánh N sử dụng để đánh anh Bùi Văn H, quá trình điều tra N khai báo trong khi đi đường bị đánh rơi, N không xác định được địa điểm đánh rơi chiếc gậy nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C

Về phần dân sự của vụ án: Người bị hại là anh Bùi Văn H báo cáo đề nghị được bồi thường chiếc xe mô tô BKS 36G5 – 219.83 trị giá thời điểm mua cuối năm 2017 trị giá 24.000.000đ và số tiền trong ví bị chiếm đoạt là 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng). Ngày 03/05/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận trị giá chiếc xe là 22.000.000đ. Ngày 10/5/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với anh Bùi Văn H. Ngày 11/9/2018 anh Bùi Văn H làm đơn từ chối giám định thương tích với lý do thương tích nhẹ, đã hồi phục hoàn toàn do đó về phần thương tích anh Bùi Văn H không có yêu cầu và không đề nghị bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 21/ CT-VKSCT-SH ngày 15/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã quyết định truy tố bị cáo Trương Khánh N, Hà Văn H về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d Khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015. Bùi Văn L về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo Khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trương Khánh N, Hà Văn H phạm tội “*Cướp tài sản*”; Bùi Văn L phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

- Về hình phạt: + Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm r, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm h, Điều 52, Điều 53 Điều 38 Điều 47- BLHS, Điều 106, Điều 135, Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 xử phạt Trương Khánh N từ 08 năm - 09 năm tù.

+ Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38 - BLHS, Điều 106, Điều 135, Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 xử phạt Hà Văn H từ 07 năm -08 năm tù

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 65 - BLHS, Điều 106, Điều 135, Điều 136 BLTTHS,

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 xử phạt Bùi Văn L từ 06 tháng-09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12- 18 tháng .

Về trách nhiệm dân sự : Đề nghị các bị cáo Trương Khánh N, Hà Văn H phải liên đới bồi thường cho anh Bùi Văn H số tiền 23.100.000đ

Về vật chứng: Trả lại cho người bị hại anh Bùi Văn H 01 ví da, các vật chứng khác tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trương Khánh N, Hà Văn H, Bùi Văn L đều thừa nhận hành vi phạm tội nêu trong bản cáo trạng là đúng.

Người bị hại anh Bùi Văn H cũng thống nhất với nội dung bản cáo trạng. Nay anh đề nghị các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh giá trị chiếc xe là 22.000.000đ, và số tiền trong ví là 1.100.000đ. Về vật chứng anh đề nghị được trả lại ví da, còn các vật chứng khác để lâu đã hư hỏng nên không yêu cầu nhận lại.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện C và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 12/4/2018 tại khu vực Dốc Nứa, thuộc thôn E, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Trương Khánh N và Hà Văn H đã có hành vi dùng xe máy là phương tiện nguy hiểm để ép xe của anh Bùi Văn H, sau đó N đã dùng gậy đánh, H dùng chân đá làm anh H bị ngã xuống đường và lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 36G5 – 219.83 trị giá 22.000.000 (*hai mươi hai triệu đồng*) và 01 (một) chiếc ví da bên trong có số tiền 1.100.000đ (*một triệu một trăm nghìn đồng*), Bùi Văn L sau khi biết được chiếc xe mô tô BKS 36G5 – 219.83 là tài sản do N và H cướp ở khu vực dốc Nứa, nhưng vẫn tích cực tìm nơi tiêu thụ. Hành vi của bị cáo Trương Khánh N, Hà Văn H đã phạm vào tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d Khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015, Bùi Văn L đã phạm vào

tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo Khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với việc dùng xe máy là phương tiện nguy hiểm chạy ép xe người bị hại trên đoạn đường dốc, vắng người qua lại, sau đó dùng gậy đập vào lưng làm anh H bị ngã không có điều kiện kháng cự, chống đỡ nhằm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo Bùi Văn L sau khi biết rõ chiếc xe máy do N và H có được do hành vi cướp tài sản, không những không tố giác tội phạm mà còn tích cực tìm nơi tiêu thụ chiếc xe máy gây khó khăn cho công tác điều tra vụ án. Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm trực tiếp đến tài sản mà còn gây nguy hiểm đến sức khỏe của người khác, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, nên cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[4]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm, giản đơn. Bị cáo Trương Khánh N là người khởi xướng, thực hành tích cực nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án, bị cáo đã có tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định của tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ đó là tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm r, điểm s, khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N đang bị tạm giữ từ ngày 30/8/2018, tạm giam từ ngày 08/9/2018 theo Lệnh giam số 16 ngày 08/9/2018 về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, nên thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

Bị cáo Hà Văn H là người thực hành tích cực, khi quyết định hình phạt bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ đó là: thành khẩn khai báo, chưa có tiền án, tiền sự theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào

Bị cáo Bùi Văn L đã tích cực giúp N và H tìm nơi tiêu thụ chiếc xe, việc không tiêu thụ được nằm ngoài ý chỉ chủ quan của L. Khi quyết định hình phạt bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ đó là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, Đầu thú theo quy định của pháp luật theo điểm i, điểm s, điểm h, khoản 1 và khoản 2, điều 51 Bộ luật hình sự nên không cần phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: anh Bùi Văn H đề nghị được bồi thường số tiền 23.100.000đ. Các bị cáo Trương Khánh N, Hà Văn H đã sử dụng chi tiêu chung số tiền chiếm đoạt của anh Bùi Văn H nên phải liên đới bồi thường, bị cáo L

chưa được hưởng lợi nên không phải bồi thường. Cụ thể bị cáo Trương Khánh N bồi thường 11.550.000đ, bị cáo Hà Văn H bồi thường 11.550.000đ

[6]. Về vật chứng và xử lý vật chứng: anh Bùi Văn H yêu cầu nhận lại chiếc ví da, còn các vật chứng khác không có giá trị nên anh không yêu cầu nhận lại mà đề nghị tịch thu tiêu hủy. Nên chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn H

[7]. Về án phí: Các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trương Khánh N, Hà Văn H phạm tội “*Cướp tài sản*; Bị cáo Bùi Văn L phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s, khoản 1, Điều 51, Điều 58, Điều 38, Điều 47 – BLHS. Điều 30, Điều 135, Điều 136 - BLTTHS, Điều 587, Điều 589. Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 (đối với bị cáo N và bị cáo H) điểm r, khoản 1 Điều 51, điểm h. Khoản 1 Điều 52, Điều 53 BLHS (đối với bị cáo N) khoản 2 Điều 51 (đối với bị cáo H).

Xử phạt: Bị cáo Trương Khánh N 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Hà Văn H 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2018

Áp dụng : Khoản 1 Điều 323; điểm h, điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 - BLHS, Điều 135, Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

Xử phạt; Bị cáo Bùi Văn L 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Bùi Văn L cho UBND xã Đ ,huyện B, tỉnh Thanh Hóa quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Về trách nhiệm dân sự : Các bị cáo Trương Khánh N, Hà Văn H phải liên đới bồi thường cho anh Bùi Văn H số tiền 23.100.000đ (Hai mươi ba triệu, một trăm ngàn đồng). Chia phần mỗi bị cáo là 11.550.000đ (Mười một triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bị yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Trương Khánh N, Hà Văn H không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền trên thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357BLDS năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho anh Bùi Văn H : - 01 (một) chiếc ví da màu nâu có in hình con cá sấu trên ví.

Tịch thu tiêu hủy: - 01 (một) mũ bảo hiểm màu ghi, trên mũ có dòng chữ “BANCUNGLOPVN”, mũ bảo hiểm đã qua sử dụng.

- 01 (một) biển số xe 36G5 – 219.83.

- 01 (một) giá để hàng ở hán xe có khắc chữ VT (I)

(Theo biên bản giao nhận tang vật ngày 19/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy)

Về án phí: Bị cáo Trương Khánh N, Hà Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và 577.000đ án DSST, bị cáo Bùi Văn L phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Án xử công khai. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Công an huyện C;
- VKND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa ;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện C;
- L: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thanh